

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **106/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 25 - 10 - 2019

V/v ly hôn và tranh chấp
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Ông Đặng Song Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 479/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1986. Địa chỉ: 15/8 N, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Xuân Q, sinh năm 1982. Địa chỉ: 208/4 L, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Kim L trình bày:

Bà L và ông Q tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND phường T, thành phố V. Thời gian đầu vợ chồng chung sống tại gia đình ông Q, nhưng từ cuối năm 2017 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn tới không còn quan tâm lẫn nhau và cuộc sống không có hạnh phúc. Mặc dù cả hai đã tự hòa giải với nhau nhiều lần để chung sống nuôi con như vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay mỗi người sống mỗi nơi không quan tâm gì đến

nhau nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Q và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về con chung: Bà L và ông Q có 1 con chung là Trần Việt T, sinh ngày 12/8/2011 hiện đang ở với ông Q. Bà L đồng ý giao ông Q được trực tiếp nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Xuân Q: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai và xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Về nội dung, căn cứ kết quả xác minh về nơi cư trú của ông Q và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, xét thấy bà L yêu cầu ly hôn với ông Q là có cơ sở nên chấp nhận. Về con chung, ghi nhận sự tự nguyện của bà L, ông Q được nuôi con chung là cháu Trần Việt T, sinh ngày 12/8/2011 và bà L cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Võ Thị Kim L và ông Trần Xuân Q tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 14/9/2010 tại UBND phường T, thành phố V nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Q là hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng, bà L cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân từ đó đến nay mạnh ai nấy sống cả hai đều không quan tâm lẫn nhau nên yêu cầu ly hôn với ông Q. Tại biên bản xác minh nơi cư trú và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng thể hiện bà L và ông Q trước đây chung sống với nhau tại địa chỉ 208/4 L, Phường B, thành phố V và bà L đã không còn sống tại địa chỉ này khoảng hơn một năm nay đi đâu địa phương không biết. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng bà L, ông Q là có thật và có thời gian dài không còn chung sống với nhau, thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông Q.

[3] Về con chung: Bà L và ông Q có 1 con chung là Trần Việt T, sinh ngày 12/8/2011. Bà L đồng ý để ông Q được trực tiếp nuôi con và tự nguyện cấp

dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự tự nguyện của bà L giao cháu Trung cho ông Q nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên chấp nhận giao cháu T cho ông Q được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết vụ án, ông Q đều vắng mặt không có ý kiến gì nên ghi nhận bà L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ. Để bảo đảm quyền lợi của cháu Trung, Hội đồng xét xử ấn định thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/11/2019 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí: Bà L phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim L được ly hôn với ông Trần Xuân Q.

2. Về con chung: Ông Trần Xuân Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Việt T, sinh ngày 12/8/2011; Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Kim L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Kim L không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4. Án phí: Bà Võ Thị Kim L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0007036 ngày 20/5/2019. Bà L còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- UBND P. T, thành phố V;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HOÀNG TRÍ THỨC